

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-ST

Ngày: 12-02-2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh B (nay là xã H, tỉnh V).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã H, tỉnh V).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Bà Lê Thị C, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã M, huyện D, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh V).

3. Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C1, xã P, huyện G, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; bản tự khai; biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Yến N trình bày:

Vào năm 2019, bà Nguyễn Thị T là chủ đại lý thức ăn gia súc PN, địa điểm kinh doanh: ấp A, xã H, tỉnh V có thỏa thuận bán thức ăn chăn nuôi heo, gà cho vợ chồng ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C, theo hình thức gởi đầu, thỏa thuận cụ thể

như sau: bà T giao thức ăn chăn nuôi heo, gà khi ông R, bà C yêu cầu, hai bên có sổ giao hàng cùng theo dõi, đến mỗi đợt bán heo, gà sẽ thanh toán nợ và bà T sẽ giao hàng cho đợt chăn nuôi kế tiếp, hai bên mua bán thuận lợi, không có xảy ra tranh chấp.

Sau khoảng thời gian mua bán thức ăn chăn nuôi heo, gà thì bà T cùng ông R, bà C tổng kết sổ giao hàng tính đến thời điểm ngày 23 tháng 12 năm 2021, hai bên thống nhất ông R, bà C còn nợ bà T số tiền 533.912.000 đồng. Bà T yêu cầu vợ chồng ông R, bà C ký tên, lấn tay vào “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 23 tháng 12 năm 2021 và thực hiện việc trả nợ để bà T duy trì việc kinh doanh. Bà T nhiều lần liên hệ thì ông R, bà C có thanh toán dần nên còn nợ lại số tiền 377.030.000 đồng nhưng từ ngày 12/7/2022 cho đến nay ông bà không có thiện chí và không thanh toán thêm được bất kỳ khoản nợ nào. Trên cơ sở “Giấy xác nhận công nợ” tính đến thời điểm ngày 23 tháng 12 năm 2021, bà T đã yêu cầu ông R, bà C làm thêm “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 06 tháng 01 năm 2026 để tính số tiền nợ thức ăn chăn nuôi heo, gà đến thời điểm ngày 10 tháng 4 năm 2022 thì ông R, bà C xác nhận còn nợ bà T số tiền 382.673.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông R, bà C có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 377.030.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 13/7/2022 cho đến ngày giải quyết xong vụ án, mức lãi suất 0,83%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T khẳng định chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông R, bà C có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, gà còn nợ là 377.030.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không có yêu cầu gì khác.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến các ngày 10/11/2025, 31/12/2025, bị đơn ông Huỳnh Văn R trình bày:

Ông và bà Lê Thị C bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1975, từ trước đến nay, ông bà vẫn sống chung nhà, cùng làm ăn chung. Vào năm 2019, ông và bà C có mua thức ăn chăn nuôi heo, gà tại đại lý thức ăn gia súc PN do bà Nguyễn Thị T làm chủ, theo hình thức gởi đầu, mục đích chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình. Khi bà T cho người giao thức ăn chăn nuôi heo, gà thì ông ký tên xác nhận vào sổ theo dõi giao hàng, mỗi đợt chăn nuôi khoảng 05 tháng, khi bán heo, gà thì ông, bà C sẽ thanh toán tiền cho bà T. Ông có cùng bà T thống nhất tính đến thời điểm ngày 23 tháng 12 năm 2021 thì ông, bà C còn nợ bà Thúy số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, gà là 533.912.000 đồng nên ký tên vào “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 23 tháng 12 năm 2021. Sau đó, ông và bà C có trả dần nên còn nợ lại bà T số tiền 377.030.000 đồng. Do đã lớn tuổi, hoàn cảnh kinh tế hiện tại khó khăn nên ông yêu cầu bà T đồng ý cho ông, bà C liên đới trả tiền gốc 377.030.000 đồng, không phải trả lãi.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, người làm chứng ông Huỳnh Văn Q trình bày:

Ngày 11 tháng 01 năm 2026, ông có chứng kiến việc bà T cùng ông R, bà C thống nhất ông R, bà C còn nợ bà T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, gà tính đến thời điểm ngày 10/4/2022 là 382.673.000 đồng. Do đó, ông R có ký tên, bà C có lấn tay tại phía dưới dòng “Xác nhận của hộ chăn nuôi” của “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 06 tháng 01 năm 2026₂

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn là bà Lê Thị C đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố Tụng dân sự. Đối với bị đơn không tuân thủ đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố Tụng dân sự do vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 288, 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C trả nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ thức ăn là 377.030.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi. Án phí: ông R, bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là tranh chấp dân sự. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông R, bà C có nơi cư trú tại ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh V) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà N, người làm chứng ông Huỳnh Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông R, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Q, ông R và bà

C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, gà còn nợ là 377.030.000 đồng theo “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 23/12/2021, “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 06/01/2026:

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là bà Lê Thị Yến N trình bày: do có mối quan hệ quen biết nên bà T có bán thức ăn chăn nuôi heo, gà cho vợ chồng ông R, bà C với hình thức gởi đầu, tính đến thời điểm ngày 23/12/2021, hai bên xác nhận ông R, bà C còn nợ bà T số tiền 533.912.000 đồng, có làm “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 23/12/2021, cuối giấy xác nhận nợ ông R có lấn tay tên dưới phần “Xác nhận của hộ chăn nuôi”. Ông R, bà C có trả nợ dần nên còn nợ bà T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, gà là 377.030.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 10/4/2022, hai bên chấm dứt việc mua bán, cùng xác nhận ông R, bà C còn nợ bà T số tiền 382.673.000 đồng, có làm “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 11/01/2026, cuối giấy xác nhận nợ ông R, bà C cần có ký tên, lấn tay tên dưới phần “Xác nhận của hộ chăn nuôi”, người làm chứng ông Huỳnh Văn Q ký, ghi họ tên. Tuy số tiền nợ bán thức ăn chăn nuôi heo, gà tính đến thời điểm ngày 10/4/2022 là 382.673.000 đồng nhưng bà T xác định chỉ yêu cầu ông R, bà C thanh toán số tiền nợ là 377.030.00 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là văn bản có tựa “Giấy xác nhận công nợ” tính đến ngày 23/12/2021, do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp, có nội dung:

“Tôi tên: Nguyễn Thị T. Sinh năm 1975

CMND số: 320876862

Đại diện của đại lý thức ăn gia súc PN - ấp A, xã H – G – B

Giấy phép kinh doanh số: 55E 8001260

Mã số thuế: 1300568099

Hôm nay tôi làm giấy này để xác nhận số tiền nợ của hộ chăn nuôi:

Ông Bà Huỳnh Văn R

CMND số: 083053002657

Hiện đang cư trú: ấp R, xã M - G – B

Tính đến ngày hôm nay: 23/12/2021 quý khách hàng đã nợ đại lý tôi số tiền là: 533.912.000 đ”.

Và phía cuối giấy có dấu lấn tay, ghi họ tên của ông Huỳnh Văn R dưới dòng chữ “Xác nhận của hộ chăn nuôi”. Bà N cho rằng giấy xác nhận nợ không có ghi

thời hạn trả số tiền nợ 533.912.000 đồng nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là ông R, bà C phải thanh toán kể từ ngày viết giấy để bà T thu hồi vốn kinh doanh. Từ thời điểm lập giấy xác nhận nợ là ngày 21/12/2021 thì ông R, bà C thanh toán dần nên còn nợ lại số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, gà là 377.030.000 đồng.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là văn bản có tựa “Giấy xác nhận công nợ” tính đến ngày 10/4/2022, có nội dung:

“Tôi tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976

....

Hôm nay tôi làm giấy này để xác nhận số tiền nợ của hộ chăn nuôi:

Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1953

CCCD số 0831530026XX, cấp ngày 20/8/2021

Bà Lê Thị C, sinh năm 1955

CCCD số 0831550041XX, cấp ngày 11/8/2021

Địa chỉ: A, Q, P, V

Tính đến ngày 10/4/2022 quý khách còn nợ tiền đại lý thức ăn của tôi số tiền là 382.673.000 đ”.

Và phía cuối giấy có chữ ký tên, lăn tay, ghi họ tên của ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C dưới dòng chữ “Xác nhận của hộ chăn nuôi” và người làm chứng ông Huỳnh Văn Q ký tên, ghi họ tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C các văn bản Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ; Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bà C vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày, ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thúy.

Qua đó, có cơ sở xác định giữa bà T và ông R, bà C đã tự nguyện thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo, gà, có giấy xác nhận công nợ nhưng không có công chứng hoặc chứng thực. Căn cứ Điều 430 Bộ luật dân sự “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán” theo đó không bắt buộc về hình thức của hợp đồng vay tài sản và cũng không yêu cầu phải công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 31/12/2021, “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 11/01/2026, có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của bà T và ông R, bà C.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản, bà T đã cung cấp số lượng thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm cho ông R, bà C nhưng ông R, bà C không thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T, mặc dù bà T có liên hệ nhắc trả nợ. Tuy số tiền nợ bán thức ăn chăn nuôi heo, gà tính đến ngày 10/4/2022 là 382.673.000 đồng nhưng bà T xác định chỉ yêu cầu ông R, bà C thanh toán số tiền nợ là 377.030.00 đồng. Bà T khởi kiện yêu cầu ông R, bà C có trách nhiệm trả số tiền nợ 377.030.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với lời thừa nhận nợ của ông R “Tôi thừa nhận tôi và vợ tôi Lê Thị C còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi heo, gà của bà Nguyễn Thị T tổng cộng là 377.030.000 đồng” và phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng” nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về trách nhiệm liên đới của ông Huỳnh Văn R cùng với bà Lê Thị C đối với số nợ:

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của ông R trình bày: ông và C là vợ chồng, sống chung trên cơ sở tự nguyện từ năm 1975, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ trước đến nay, ông và bà C vẫn sống chung nhà, cùng làm ăn, cùng chăn nuôi với mục đích tạo ra nguồn thu nhập, phát triển kinh tế gia đình. Ông đồng ý cùng bà C liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 377.030.000 đồng cho bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT TANDTC - VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của ông R và bà C là hôn nhân thực tế. Đồng thời, khoản nợ mua thức ăn chăn nuôi heo, gà được hình thành trong khoảng thời gian ông R, bà C sống chung, ông R có xác nhận nợ hộ chăn nuôi do đó giữa ông R, bà C phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà T số tiền 377.030.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Theo quy định tại khoản 3 Điều 466 Bộ luật dân sự “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này” nhưng bà T không yêu cầu ông R, bà C phải trả lãi trên số tiền chậm trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Qua những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.792.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ các điều 117, 119, 280, 288, 430, 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản:

1.1 Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 377.030.000 (ba trăm bảy mươi bảy triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng.

1.2 Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn R, bà Lê Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.792.000 (mười một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003848 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Thor

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cảnh

Trần Ngọc Diệu

Phạm Minh Thơ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Thơ

